

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I

Họ và tên học sinh:.....

Năm học:

Lớp:

Môn: **Toán**

Trường: TH Nguyễn Viết Xuân

Ngày..... tháng năm

Thời gian: 40 phút (không kể thời gian phát đề)

Điểm	Nhận xét của giáo viên

Đề ra

PHẦN I: Trắc nghiệm (4 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1 (1 đ): Hỗn số $3\frac{2}{5}$ được chuyển thành phân số là:

A. $\frac{17}{5}$

B. $\frac{15}{5}$

C. $\frac{6}{5}$

D. $\frac{5}{17}$

Câu 2 (1 đ): $3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 3,900

B. 3,09

C. 3,9

D. 3,90

Câu 3 (1 đ): Số bé nhất trong các số 45,538; 45,835 ; 45,358 ; 45,385 là :

A. 45,538

B. 45,835

C. 45,358

D. 45,385

Câu 4(1 đ): Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $15m^2\ 4dm^2 = \dots\dots\dots m^2$ là:

A. 1504

B. 1540

C. 15,04

D. 15,40

PHẦN II: Tự luận (6 điểm)

Bài 1 (1 đ) :

< ; > ; =

a) $53,2 \dots\dots\dots 53,19$

b) $9,843 \dots\dots\dots 9,85$

c) 26,5 26,500

c) 80,6 79,6

Bài 2 (2 đ) :

a) Điền số thích hợp vào chỗ trống :

35 km 106 m = m

4 tấn 25 kg = tấn.

b) Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

25,71; 21,75; 72,15; 15,72; 75,12

Viết là: ; ; ; ;

Bài 3 (2 đ) :

Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 100m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Tính:

a) Chiều dài, chiều rộng của thửa ruộng.

b) Diện tích của thửa ruộng.

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (1 đ) : Một khu vườn hình vuông có chu vi 1000m. Diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu mét vuông? Bao nhiêu héc – ta?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Toán

PHẦN I : Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 : Khoanh vào A. $\frac{17}{5}$ (1 điểm)

Câu 2 : Khoanh vào B. 3,09 (1 điểm)

Câu 3 : Khoanh vào C. 45,358 (1 điểm)

Câu 4 : Khoanh vào C. 15,04 (1 điểm)

PHẦN II : Tự luận (6 điểm)

Bài 1 (1 đ): (Tính đúng mỗi câu : (0,25 điểm))

a) $53,2 > 53,19$

b) $9,843 < 9,85$

c) $26,5 = 26,500$

c) $80,6 > 79,6$

Bài 2 (2 đ) :

a) Điền số thích hợp vào chỗ trống :

$35 \text{ km } 106 \text{ m} = 35106 \text{ m}$ (0,5 điểm)

$4 \text{ tấn } 25 \text{ kg} = 4,025 \text{ tấn.}$ (0,5 điểm)

b) Các số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là :

$15,72 ; 21,75 ; 25,71 ; 72,15 ; 75,12$ (1điểm)

Bài 3 (2 đ) : Đúng lời giải và phép tính đạt số điểm :

Bài giải

Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

a) Chiều dài của thửa ruộng là :

$$100 : 5 \times 3 = 60 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Chiều rộng của thửa ruộng là :

$$100 - 60 = 40 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Diện tích thửa ruộng là:

$$60 \times 40 = 2400 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: (0,5 điểm)

a) Chiều dài: 60 m ; chiều rộng : 40 m

b) Diện tích: 2400 (m²)

Bài 4 (1 đ) :

Số đo một cạnh khu vườn đó là:

$$1000 : 4 = 250 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Diện tích khu vườn đó là :

$$250 \times 250 = 62500 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Đổi: 62500 (m²) = 6,25 (ha) (0,25 điểm)

Đáp số : 62500 m² ; 6,25 ha (0,25 điểm)

(HS có thể làm cách khác)
